

Số: 74/2025/QĐST-HNGĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ dân sự thụ lý số 642/2025/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 5 năm 2025, giữa:
- Nguyên đơn: Bà V T N, sinh năm 1986; Địa chỉ: Căn A, Chung cư B, Đường số c, Phường M, quận G (phường A) Thành phố A;
- Bị đơn: Ông Đ P T T, sinh năm 1985; Địa chỉ: Căn A, Chung cư B, Đường số c, Phường M, quận G (phường A) Thành phố A.
- Căn cứ vào Điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào Điều 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;
- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 7 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 7 năm 2025 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Bà V T N, sinh năm 1986

Bị đơn: Ông Đ P T T, sinh năm 1985

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà V T N và ông Đ P T T thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 194/2014 ngày 04/9/2014 của Ủy ban nhân dân phường H, Quận MH, Thành phố A cấp hết hiệu lực).

2/ Về con chung: Có 02 con chung tên là Đ P Đ K, sinh ngày 17/4/2015 Đ V T N, sinh ngày 11/6/2021, bà N đề nghị hai con chung sẽ do bà N nuôi dưỡng và Ông T đồng ý cấp dưỡng hàng tháng 4.000.000 đồng mỗi con.

Kể từ khi bà V T N có đơn yêu cầu thi hành án, ông Đ P T T chưa đóng góp số tiền cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng ông T còn phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 bộ luật dân sự năm 2015.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình 2014 Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Về án phí hôn nhân sơ thẩm là 150.000 đồng lẽ ra bà V T N và bà Đ P T T mỗi người chịu 75.000 đồng, nhưng bà N tự nguyện chịu. Án phí cấp dưỡng nuôi con 150.000 đồng lẽ ra ông T phải chịu, nhưng bà N tự nguyện chịu thay, bà N được miễn trừ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0062099 ngày 27/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G. Bà N đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND KV 7 - Tp.HCM;
- Phòng THADS KV7 - Tp.HCM;
- UBND P.Hiệp Thành (P. Tân Thới Hiệp mới);
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Chu Thị Bình